

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 7 - 2019

V/v: Ly hôn giữa chị N và
anh M

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Văn M, sinh năm 1975; địa chỉ: Xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Mai Văn M trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/10/2001 tại UBND xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng ở chung nhà với bố mẹ chồng, sau đó được bố mẹ chồng cho đất xây nhà ở riêng. Vợ chồng sống hoà thuận đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh M thường xuyên uống rượu say chửi mắng, không quan tâm đến vợ con. Năm 2014 chị đưa các con vào Miền Nam làm ăn sinh sống. Đến năm 2017 chị đưa các con về nhà ở nhưng anh M không thay đổi tính nết. Từ cuối năm 2018 chị bỏ về nhà bố

mẹ đẻ ở. Chị xác định không còn tình cảm với anh M nên xin được giải quyết ly hôn.

Chị và anh M có hai con chung là Mai Thị Đ, sinh ngày 13/9/2005 và Mai Văn B, sinh ngày 12/12/2008. Hiện cháu Đ đang ở với chị, còn cháu B đang ở với anh M. Nay chị đề nghị giải quyết nuôi con theo ý kiến của các con, chị nhận nuôi cháu Đ, để anh M nuôi cháu B và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng có 01 nhà mái bằng xây trên 118m² đất được bố mẹ chồng cho đã được cấp giấy chứng nhận đứng tên vợ chồng, 01 mảnh đất diện tích khoảng 200m² mua của bố mẹ chồng nhưng chưa sang tên, 01 tủ chùa và 01 xe mô tô; vợ chồng không có công nợ. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N xin rút yêu cầu chia tài sản.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2019, bị đơn anh Mai Văn M trình bày:

Anh kết hôn với chị N năm 2001, vợ chồng có hai con chung và có nhà xây trên đất bố mẹ anh cho nhưng không cho phép bán, vợ chồng còn một số khoản vay nợ khi làm nhà. Anh M không có ý kiến về việc chị N xin ly hôn, việc nuôi con và chia tài sản, nợ của vợ chồng khi ly hôn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N đối với anh Mai Văn M; giao chị N trực tiếp nuôi cháu Đ, giao anh M trực tiếp nuôi cháu B và không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn anh Mai Văn M để cung cấp tài liệu, chứng cứ; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh M chỉ đến Tòa án một lần viết bản tự khai ngày 12/3/2019, còn lại đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Mai Văn M có quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2001 tại UBND xã HL, huyện H, tỉnh Nam Định. Theo lời trình bày của chị N, trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2012, nguyên nhân là do anh M thường xuyên uống rượu say chửi mắng, không quan tâm vợ con nên chị N đã đưa hai con bỏ đi Miền Nam làm ăn sinh sống từ năm 2014 đến năm 2017 quay về đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian ngắn lại xảy ra mâu thuẫn. Từ cuối năm 2018 chị N bỏ về bên ngoại ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải giữa chị N và anh M nhưng anh M đều vắng mặt không tham gia hòa giải, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị N. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh M cũng đã kéo dài từ nhiều năm nay, các bên không có giải pháp gì để đoàn tụ vợ chồng, đến nay chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn nên nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị N xin ly hôn anh Mai Văn M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Mai Văn M có hai con chung chưa thành niên là Mai Thị Đ, sinh ngày 13/9/2005 và Mai Văn B, sinh ngày 12/12/2008; cháu Đ đang ở với chị N, cháu B đang ở với anh M. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu B có nguyện vọng được ở với bố. Chị N cũng nhất trí nhận nuôi con theo ý kiến của các con. Do đó để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các con, điều kiện nuôi con của hai bên đương sự cần giao cho chị N và anh M mỗi người trực tiếp nuôi một con; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ của vợ chồng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N khai vợ chồng có nhà đất tại Xóm A, xã HL và 01 tủ chùa, 01 xe mô tô; không có công nợ nhưng quá trình giải quyết vụ án, chị N đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Mai Văn M không cung cấp tài liệu, chứng cứ về tài sản, nợ của vợ chồng và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật; đối với số tiền tạm ứng án phí chia tài sản do nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản nên được trả lại cho nguyên đơn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị N và anh Mai Văn M.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Mai Thị Đ, sinh ngày 13/9/2005 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Đ đang ở với chị N).

Giao con chung là Mai Văn B, sinh ngày 12/12/2008 cho anh Mai Văn M trực tiếp nuôi dưỡng (cháu B đang ở với anh M).

Chị Hoàng Thị N và anh Mai Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn của chị Hoàng Thị N.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Hoàng Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn và chia tài sản đã nộp tại biên lai số AA/2016/0000331 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Hoàng Thị N được trả lại số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Mai Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự: 02 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + tỉnh: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã HL: 01 bản;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên